

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 12.4.2022

THẤU HIỂU BẢN CHẤT
Kinh Vijayā (Vijayāsuttam)
CHƯƠNG V. TƯƠNG ƯNG TỶ KHEO NI (S.i, 130)

Thế giới của hiện tượng luôn phô diễn với muôn màu muôn sắc nhưng bản chất luôn có những đặc tánh không thay đổi. Bản chất đó thường được quán chiếu bởi hành giả tu thiền quán qua các án xử vô thường, khổ não, vô ngã, bất tịnh. Hiểu rõ bản chất thì tâm ít bị giao động ngay cả khi đối diện với lực chi phối của Ma quân. Phải lắng tâm đọc kỹ câu chuyện để cảm nhận sự vĩ đại, cao khiết của những con người thời Phật tại thế xuất gia trong thuở thanh xuân, từ bỏ mọi dục lạc tiện nghi để sống tịnh mặc giữa rừng sâu. Đối với những vị ấy quá khứ vàng son trở thành vô nghĩa và chẳng truy cầu gì những sở y ở tương lai.



Kinh Văn

Sāvattthinidānaṃ.

Tại Sāvatti.

Atha kho vijayā bhikkhunī pubbaṇhasamayam nivāsetvā...pe... aññatarasmim rukkhamūle divāvihāraṃ nisīdi.

Vào buổi sáng tỳ khưu ni Vijayā đắp y.....Sau khi đi sâu vào rừng vị ấy tĩnh tọa dưới một gốc cây.

Atha kho māro pāpimā vijayāya bhikkhuniyā bhayaṃ chambhitattam lomahaṃsaṃ uppādetukāmo samādhimhā cāvetukāmo yena vijayā bhikkhunī tenupasaṅkami; upasaṅkamtivā vijayaṃ bhikkhunim gāthāya ajjhabhāsi –

Rồi Ác ma muốn làm tỳ khưu ni Vijayā run sợ, hốt hoảng, kinh khiếp, rời xa thiền định đã đến gần và nói lên kệ ngôn:

**“Daharā tvaṃ rūpavatī, ahañca daharo susu;
Pañcaṅgikena turiyena, ehayyebhīramāmase”ti [ehi ayye ramāmaseti (sī.)].**

Nàng trẻ trung, xinh đẹp
Ta cũng độ thanh xuân
Ngọc nữ hãy cùng ta
Vui thanh âm ngũ nhạc

**Atha kho vijayāya bhikkhuniyā etadahosi – “ko nu khvāyaṃ manusso vā
amanusso vā gāthaṃ bhāsati”ti? Atha kho vijayāya bhikkhuniyā etadahosi –
“māro kho ayaṃ pāpimā mama bhayaṃ chambhitattaṃ lomahaṃsaṃ
uppādetukāmo samādhimhā cāvetukāmo gāthaṃ bhāsati”ti.**

Tỷ khuru ni Vijayā tự nghĩ: "Ai đã nói lên kệ ngôn này? Người hay phi nhân?" Tỷ khuru ni Vijayā xét thấy: "Chính Ác ma muốn khiến ta run sợ, hốt hoảng, kinh khiếp để từ bỏ thiên định đã nói lên kệ ngôn".

**Atha kho vijayā bhikkhunī “māro ayaṃ pāpimā” iti veditvā māraṃ
pāpimantaṃ gāthāhi paccabhāsi –**

Tỷ khuru ni Vijayā biết được: "Đấy là Ác ma", liền nói kệ ngôn:

**“Rūpā saddā rasā gandhā, phoṭṭhabbā ca manoramā;
Nīyātayāmi tuyheva, māra nāhaṃ tenatthikā.**

**“Iminā pūtikāyena, bhindanena pabhaṅgunā;
Aṭṭiyāmi harāyāmi, kāmataṇhā samūhatā.**

**“Ye ca rūpūpagā sattā, ye ca arūpaṭṭhāyino
Yā ca santā samāpatti, sabbattha vihato tamo”ti.**

“Sắc, thanh, hương và vị
Cùng những thứ xúc lạc
Ta nhường hết cho người
Ác ma, ta không cần.

“Ta đã nhàm, đã chán
Thân bất tịnh, hệ lụy
Mong manh, hễ hư hoại
Ta nhờ tận dục ái.

“Có người trong cõi sắc
Có người trong vô sắc
Có người trú thiền tịnh
Ta diệt mọi mê tối.

Atha kho māro pāpimā “jānāti maṃ vijayā bhikkhunī”ti dukkhī dummano tatthevantaradhāyīti.

Ác ma biết được: "Tỳ khuru ni Vijayā đã biết ta" phiền muộn và thất vọng biến mất ngay chỗ ấy.



Thích văn

“**Rūpā saddā rasā gandhā** = Sắc, thanh, vị, hương
phoṭṭhabbā ca manoramā = và những xúc khả lạc
Niyyātayāmi tuyheva = Ta trao hết cho người
māra nāhaṃ tenatthikā = Hỡi Ác ma, ta chẳng cần

“**Iminā pūtikāyena** = Tám thân này bất tịnh
bhīdanena pabhaṅgunā = Mong manh, dễ hư hoại
Aṭṭiyāmi harāyāmi = Ta nhàm chán, hổ thẹn
kāmatanṇhā samūhatā = Ta nhờ tận dục ái

“**Ye ca rūpūpagā sattā** = Có chúng sanh trong cõi sắc
ye ca arūpaṭṭhāyino = Có chúng sanh trong cõi vô sắc
Yā ca santā samāpatti = Có chúng sanh chứng đạt thiền tịnh
sabbattha vihatō tamo”ti = Ta xua tan bóng tối mọi nơi



Thích nghĩa

Tỳ khuru ni Vijayā nguyên là bạn thân của Thánh ni Khemā khi cả hai chưa xuất gia. Sau này khi Tỳ kheo ni Khemā xuất gia thì Vijayā lui tới thăm người bạn cũ và phát tâm tu theo con đường thoát tục. Chính Thánh ni Khemā là truyền giới sư cho vị này.

Ngũ nhạc theo số giải là năm thứ nhạc cụ: lātata, vitata, ātatavitata, susira, ghana (trống, phách, đàn, sáo, kèn).

Chữ bhindanena theo Số giải mang ý nghĩa là pháp có bản chất tan hoại (bhijjanasabhāva).

*Tỳ kheo Giác Đăng dịch và biên soạn giáo trình
-ooOoo-*

4. Vijayāsuttam [Mūla]

165. Sāvattṭhinidānaṃ. Atha kho vijayā bhikkhunī pubbaṅhasamayam nivāsetvā...pe... aññatarasmim rukkhamūle divāvihāraṃ nisīdi. Atha kho māro pāpimā vijayāya bhikkhuniyā bhayaṃ chambhitattaṃ lomahaṃsaṃ uppādetukāmo samādhimhā cāvetukāmo yena vijayā bhikkhunī tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā vijayaṃ bhikkhuniṃ gāthāya ajjhabhāsi –

“Daharā tvaṃ rūpavatī, ahañca daharo susu;

Pañcaṅgikena turiyena, ehaṃ bhayebhiramāmasa”ti [ehi ayye ramāmaseti (sī.)].

Atha kho vijayāya bhikkhuniyā etadahosi – “ko nu khvāyaṃ manusso vā amanusso vā gāthaṃ bhāsati”ti? Atha kho vijayāya bhikkhuniyā etadahosi – “māro kho ayaṃ pāpimā mama bhayaṃ chambhitattaṃ lomahaṃsaṃ uppādetukāmo samādhimhā cāvetukāmo gāthaṃ bhāsati”ti. Atha kho vijayā bhikkhunī “māro ayaṃ pāpimā” itī veditvā māraṃ pāpimantaṃ gāthāhi paccabhāsi –

“Rūpā saddā rasā gandhā, phoṭṭhabbā ca manoramā;

Niyyāyāmi tuyheva, māra nāhaṃ tenatthikā.

“Iminā pūtikāyena, bhindanena pabhaṅgunā;

Atṭiyāmi harāyāmi, kāmataṅhā samūhatā.

“Ye ca rūpūpagā sattā, ye ca arūpaṭṭhāyino [ārūpaṭṭhāyino (sī. pī.)];

Yā ca santā samāpatti, sabbattha vihato tamo”ti.

Atha kho māro pāpimā “jānāti maṃ vijayā bhikkhunī”ti dukkhī dummano tatthevantaradhāyīti.

4. Vijayāsuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

165. Catutthe **pañcaṅgikenā**ti ātataṃ vitataṃ ātatavitataṃ ghaṇaṃ susiranti evaṃ pañcaṅgasamannāgatena. **Niyyātayāmi tuyhevā**ti sabbe tuyhaṃyeva demi. **Nāhaṃ tenatthikā**ti nāhaṃ tena atthikā. **Pūtikāyenā**ti suvaṇṇavaṇṇopi kāyo niccaṃ uggharitaṃ paggharitaṃ tthena pūtikāyova, tasmā evamāha. **Bhinda**nenāti bhijjanasabhāvena. **Pabhaṅgunā**ti cuṇṇavicuṇṇaṃ āpajjanadhammena. **Aṭṭiyā**mīti aṭṭā pīlitā homi. **Harāyā**mīti lajjāmi. **Santā samāpattī**ti aṭṭhavidhā lokiyasamāpatti ārammaṇasantatāya aṅgasantatāya ca santāti vuttā. **Sabbatthā**ti sabbesu rūpārūpabhavesu, tesāṃ dvinnaṃ bhavānaṃ gahitattā gahite kāmabhava aṭṭhasu ca samāpattīsūti etesu sabbesu ṭhānesu mayhaṃ avijjātaṃ vihatoti vadati. Catutthaṃ.